

Số: **63** /2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **15** tháng **6** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6222/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định nội dung chi, mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên gồm chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai; cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai và hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai.

2. Đối tượng áp dụng: cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Thực hiện chi hỗ trợ cho các đối tượng chưa được nhận hỗ trợ theo các quy định hiện hành khác của Nhà nước có cùng nội dung hỗ trợ.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả, đúng định mức và nguồn tài chính của Quỹ cấp tỉnh.

3. Các cơ quan, tổ chức chi hỗ trợ có trách nhiệm xác định đúng đối tượng, nội dung và định mức chi theo quy định để thực hiện việc chi theo thẩm quyền.

Điều 3. Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai (theo phụ lục ban hành kèm theo)

Điều 4. Quy định phân bổ kinh phí được quản lý, sử dụng nguồn thu từ Quỹ cấp tỉnh

1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp xã được giữ lại 28% số thu trên địa bàn do xã thực hiện thu để thực hiện chi cho các nội dung:

Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu 5%; chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ 3%. Nội dung chi và mức chi cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo quy định hiện hành, nhưng phải đảm bảo công khai, minh bạch.

Chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo Điều 3 Quy định này 20%.

b) Số tiền thu Quỹ còn lại tại cấp xã (72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản Quỹ cấp tỉnh.

c) Hỗ trợ đối với các xã khu vực III (xã được miễn đóng góp Quỹ): Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Điều 18 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP) để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo Điều 3 Quy định này.

2. Sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã có báo cáo quyết toán kinh phí hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã đã sử dụng hết trên cơ sở báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Quỹ cấp tỉnh sử dụng 3% tổng số thu của Quỹ cấp tỉnh để chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ cấp tỉnh, số còn lại chi cho các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo quy định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2. Các quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bắc Kạn;

b) Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định nội dung chi và mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Trưởng Thuế tỉnh, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
 - Ủy ban MTTQVN tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
 - UBND các xã, phường;
 - Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CNN&XD, TH, NC.
- Báchdt, 01/6/2026, QĐQPPL

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

Phụ lục

NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH THÁI NGUYÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số **63** /2026/QĐ-UBND)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
I	Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai			
1.	Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm	đồng/người/lần	100.000	
2	Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán	đồng/người/ngày	80.000	(Thuốc y tế 10.000 đ/người/ngày; nước uống 10.000 đ/người/ngày; thực phẩm 60.000 đ/người/ngày)
3	Hỗ trợ tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước	đồng/người/ngày	Hỗ trợ 119.200 đồng/người/ngày (Trường hợp huy động vào ban đêm từ 22h00 ngày hôm trước đến 6h00 sáng ngày hôm sau mức hỗ trợ gấp đôi)	
4	Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai trong thời gian thực hiện nhiệm vụ nhưng chưa được đảm bảo bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước	đồng/người/ngày	Theo quy định hiện hành	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
II	Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai			
1	Cứu trợ khẩn cấp về lương thực (thời gian cứu trợ không quá 03 tháng)	Người/tháng	15 kg gạo	
2	Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai	đồng/người/đợt thiên tai	300.000	Trong đó: Nước uống 50.000 đ/người/đợt; thuốc chữa bệnh 50.000 đ/người/đợt; sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác 200.000 đ/người/đợt
3	Hỗ trợ tu sửa nhà ở (chỉ tính nhà chính)			
-	Hỗ trợ nhà bị đổ, sập trôi, hư hỏng hoàn toàn	đồng/nhà/hộ	40.000.000	
-	Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng nặng	đồng/nhà/hộ	20.000.000	Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ theo mức quy định; các hộ gia đình khác được hỗ trợ bằng 50% mức quy định.
4	Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai	đồng/công trình	Tối đa không quá 300.000.000	
5	Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai	đồng/xã, phường	12.000.000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
6	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai		Theo quy định hiện hành	
7	Tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai	đồng/công trình	Tối đa không quá 300.000.000	
8	Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sạt trượt, sạt lở	đồng/công trình	Tối đa không quá 300.000.000	
9	Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai	đồng/công trình	Tối đa không quá 3.000.000.000	
III	Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa			
1	Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai (xây dựng bản tin, phóng sự, tờ rơi, pano, áp phích, đĩa... tuyên truyền về phòng, chống thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các nơi công cộng)	đồng/năm	Theo kế hoạch, dự toán được duyệt và khả năng cân đối của Quỹ cấp tỉnh	
2	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	đồng/kế hoạch, phương án	Theo kế hoạch, dự toán được duyệt và khả năng cân đối của Quỹ cấp tỉnh	
3	Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm	đồng/hộ	30.000.000	
4	Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng	đồng/đợt, lớp	Theo kế hoạch, dự toán được duyệt và khả năng cân đối của Quỹ cấp tỉnh	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
5	Diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp	đồng/cuộc diễn tập	Theo kế hoạch, dự toán được duyệt và khả năng cân đối của Quỹ cấp tỉnh	
6	Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã	đồng/người	Theo kế hoạch, dự toán được duyệt và khả năng cân đối của Quỹ cấp tỉnh	
7	Tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai	đồng/lớp	Theo kế hoạch, dự toán được duyệt và khả năng cân đối của Quỹ cấp tỉnh	
8	Xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng (vận hành, duy trì, kiểm định, các trạm đo mưa, mực nước tự động; cảnh báo, dự báo thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn,...)	đồng	Theo kế hoạch, dự toán được duyệt và khả năng cân đối của Quỹ cấp tỉnh	
9	Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định	đồng	Theo kế hoạch, dự toán được duyệt và khả năng cân đối của Quỹ cấp tỉnh	